CÔNG KHAI CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TIỂU HỌC - HỌC KÌ II

Năm học :	**Năm học: 2024-2025**
Trường :	Tiểu học Ngô Gia Tự

1. Chất lượng giáo dục

	Sĩ số	Tổng số HS có KQDG	Lớp 1						Lớp 2						Lớp 3						Lớp 4						Lớp 5					
			Tổng số HS có KQDG	Trong tổng số					Tổng số HS có KQDG	Trong tổng số					Tổng số HS có KQDG	Trong tổng số					Tổng số HS có KQDG	Trong tổng số					Tổng số HS có KQDG	Trong tổng số				
				Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật
I. Kết quả học tập																																
1. Tiếng Việt	***821***	***816***	137	60					133	64	1	1			142	58	3	1			166	73	1	1			238	114	6	3		
Hoàn thành tốt		***465***	87	42					77	46	1	1			80	35	1				93	50	1	1			128	73	1	1		
Hoàn thành		***351***	50	18					56	18					62	23	2	1			73	23					110	41	5	2		
Chưa hoàn thành																																
2. Toán	***821***	***816***	137	60					133	64	1	1			142	58	3	1			166	73	1	1			238	114	6	3		
Hoàn thành tốt		***528***	96	41					97	53	1	1			88	32	1				98	51	1	1			149	76	1	1		
Hoàn thành		***288***	41	19					36	11					54	26	2	1			68	22					89	38	5	2		
Chưa hoàn thành																																
3. Đạo đức	***821***	***816***	137	60					133	64	1	1			142	58	3	1			166	73	1	1			238	114	6	3		
Hoàn thành tốt		***541***	84	39					94	55	1	1			90	38	2				129	66	1	1			144	83	1	1		
Hoàn thành		***275***	53	21					39	9					52	20	1	1			37	7					94	31	5	2		
Chưa hoàn thành																																
4. Tự nhiên và Xã hội	***415***	***412***	137	60					133	64	1	1			142	58	3	1														
Hoàn thành tốt		***254***	81	35					89	49	1	1			84	33	1															
Hoàn thành		***158***	56	25					44	15					58	25	2	1														
Chưa hoàn thành																																
5. Khoa học	***406***	***404***																			166	73	1	1			238	114	6	3		
Hoàn thành tốt		***343***																			136	69	1	1			207	107	3	2		
Hoàn thành		***61***																			30	4					31	7	3	1		
Chưa hoàn thành																																
6. LS&ĐL	***406***	***404***																			166	73	1	1			238	114	6	3		
Hoàn thành tốt		***263***																			104	56	1	1			159	85	1	1		
Hoàn thành		***141***																			62	17					79	29	5	2		
Chưa hoàn thành																																
7. Nghệ thuật (Âm nhạc)	***821***	***816***	137	60					133	64	1	1			142	58	3	1			166	73	1	1			238	114	6	3		
Hoàn thành tốt		***421***	71	33					71	44	1	1			71	30	1				83	44	1	1			125	72	2	2		
Hoàn thành		***395***	66	27					62	20					71	28	2	1			83	29					113	42	4	1		
Chưa hoàn thành																																
8. Nghệ thuật (Mĩ thuật)	***821***	***816***	137	60					133	64	1	1			142	58	3	1			166	73	1	1			238	114	6	3		
Hoàn thành tốt		***426***	74	37					74	45	1	1			71	29	1				84	45	1	1			123	73	1	1		
Hoàn thành		***390***	63	23					59	19					71	29	2	1			82	28					115	41	5	2		
Chưa hoàn thành																																
9. Hoạt động trải nghiệm	***821***	***816***	137	60					133	64	1	1			142	58	3	1			166	73	1	1			238	114	6	3		
Hoàn thành tốt		***505***	80	40					88	50	1	1			79	34	1				118	56	1	1			140	78	2	2		
Hoàn thành		***311***	57	20					45	14					63	24	2	1			48	17					98	36	4	1		
Chưa hoàn thành																																
10. Giáo dục thể chất	***821***	***816***	137	60					133	64	1	1			142	58	3	1			166	73	1	1			238	114	6	3		
Hoàn thành tốt		***421***	70	32					72	45	1	1			76	30	2				83	44	1	1			120	69	1	1		
Hoàn thành		***395***	67	28					61	19					66	28	1	1			83	29					118	45	5	2		
Chưa hoàn thành																																
11. TH-CN (Công nghệ)	***551***	***546***													142	58	3	1			166	73	1	1			238	114	6	3		
Hoàn thành tốt		***410***													105	44	1				130	58	1	1			175	96	3	2		
Hoàn thành		***136***													37	14	2	1			36	15					63	18	3	1		
Chưa hoàn thành																																
12. TH-CN (Tin học)	***821***	***546***													142	58	3	1			166	73	1	1			238	114	6	3		
Hoàn thành tốt		***353***													92	36	2				102	52	1	1			159	79	3	1		
Hoàn thành		***193***													50	22	1	1			64	21					79	35	3	2		
Chưa hoàn thành																																
13. Ngoại ngữ	***821***	***546***													142	58	3	1			166	73	1	1			238	114	6	3		
Hoàn thành tốt		***309***													77	32	1				92	51	1	1			140	78	2	1		
Hoàn thành		***237***													65	26	2	1			74	22					98	36	4	2		
Chưa hoàn thành																																
14. Tiếng dân tộc																																
Hoàn thành tốt																																
Hoàn thành																																
Chưa hoàn thành																																
II. Năng lực cốt lõi																																
Năng lực chung																																
Tự chủ và tự học	***821***	***816***	137	60					133	64	1	1			142	58	3	1			166	73	1	1			238	114	6	3		
Tốt		***476***	85	40					86	50	1	1			82	33	1				91	50	1	1			132	73	1	1		
Đạt		***340***	52	20					47	14					60	25	2	1			75	23					106	41	5	2		
Cần cố gắng																																
Giao tiếp và hợp tác	***821***	***816***	137	60					133	64	1	1			142	58	3	1			166	73	1	1			238	114	6	3		
Tốt		***535***	92	43					91	51	1	1			86	34	2				112	57	1	1			154	86	1	1		
Đạt		***281***	45	17					42	13					56	24	1	1			54	16					84	28	5	2		
Cần cố gắng																																
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	***821***	***816***	137	60					133	64	1	1			142	58	3	1			166	73	1	1			238	114	6	3		
Tốt		***449***	82	38					70	44	1	1			72	29	1				101	51	1	1			124	71	1	1		
Đạt		***367***	55	22					63	20					70	29	2	1			65	22					114	43	5	2		
Cần cố gắng																																
Năng lực đặc thù																																
Ngôn ngữ	***821***	***816***	137	60					133	64	1	1			142	58	3	1			166	73	1	1			238	114	6	3		
Tốt		***463***	86	42					79	47	1	1			78	34	1				94	50	1	1			126	72	1	1		

Đạt		***353***	51	18					54	17					64	24	2	1			72	23					112	42	5	2				
Cần cố gắng																																		
Tính toán	***821***	***816***	137	60					133	64	1	1			142	58	3	1			166	73	1	1			238	114	6	3				
Tốt		***529***	92	41					95	51	1	1			90	33	1				99	51	1	1			153	79	1	1				
Đạt		***287***	45	19					38	13					52	25	2	1			67	22					85	35	5	2				
Cần cố gắng																																		
Tin học	***551***	***546***													142	58	3	1			166	73	1	1			238	114	6	3				
Tốt		***338***													88	36	1				105	56	1	1			145	75	3	1				
Đạt		***208***													54	22	2	1			61	17					93	39	3	2				
Cần cố gắng																																		
Công nghệ	***551***	***546***													142	58	3	1			166	73	1	1			238	114	6	3				
Tốt		***395***													101	41	1				130	58	1	1			164	89	3	2				
Đạt		***151***													41	17	2	1			36	15					74	25	3	1				
Cần cố gắng																																		
Khoa học	***821***	***816***	137	60					133	64	1	1			142	58	3	1			166	73	1	1			238	114	6	3				
Tốt		***586***	79	35					90	51	1	1			81	32	1				136	70	1	1			200	106	3	2				
Đạt		***230***	58	25					43	13					61	26	2	1			30	3					38	8	3	1				
Cần cố gắng																																		
Thẩm mĩ	***821***	***816***	137	60					133	64	1	1			142	58	3	1			166	73	1	1			238	114	6	3				
Tốt		***432***	73	36					75	46	1	1			72	29	1				88	48	1	1			124	74	1	1				
Đạt		***384***	64	24					58	18					70	29	2	1			78	25					114	40	5	2				
Cần cố gắng																																		
Thể chất	***821***	***816***	137	60					133	64	1	1			142	58	3	1			166	73	1	1			238	114	6	3				
Tốt		***423***	70	32					72	45	1	1			79	30	2				82	44	1	1			120	68	1	1				
Đạt		***393***	67	28					61	19					63	28	1	1			84	29					118	46	5	2				
Cần cố gắng																																		
III. Phẩm chất chủ yếu																																		
Yêu nước	***821***	***816***	137	60					133	64	1	1			142	58	3	1			166	73	1	1			238	114	6	3				
Tốt		***745***	128	60					130	64	1	1			130	57	2	1			156	72	1	1			201	103	3	3				
Đạt		***71***	9						3						12	1	1				10	1					37	11	3					
Cần cố gắng																																		
Nhân ái	***821***	***816***	137	60					133	64	1	1			142	58	3	1			166	73	1	1			238	114	6	3				
Tốt		***691***	123	53					125	61	1	1			113	47	2	1			134	63	1	1			196	105	3	3				
Đạt		***125***	14	7					8	3					29	11	1				32	10					42	9	3					
Cần cố gắng																																		
Chăm chỉ	***821***	***816***	137	60					133	64	1	1			142	58	3	1			166	73	1	1			238	114	6	3				
Tốt		***425***	71	34					71	44	1	1			72	29	1				89	49	1	1			122	68	1	1				
Đạt		***391***	66	26					62	20					70	29	2	1			77	24					116	46	5	2				
Cần cố gắng																																		
Trung thực	***821***	***816***	137	60					133	64	1	1			142	58	3	1			166	73	1	1			238	114	6	3				
Tốt		***635***	112	53					109	55	1	1			96	43	1				127	61	1	1			191	100	3	3				
Đạt		***181***	25	7					24	9					46	15	2	1			39	12					47	14	3					
Cần cố gắng																																		
Trách nhiệm	***821***	***816***	137	60					133	64	1	1			142	58	3	1			166	73	1	1			238	114	6	3				
Tốt		***514***	79	34					79	46	1	1			88	38	2				104	53	1	1			164	90	2	2				
Đạt		***302***	58	26					54	18					54	20	1	1			62	20					74	24	4	1				
Cần cố gắng																																		
IV. Đánh giá KQGD	***821***	***816***	137	60					133	64	1	1			142	58	3	1			166	73	1	1			238	114	6	3				
- Hoàn thành xuất		***325***	63	26					58	39	1	1			54	24	1				61	34	1	1			89	55						
- Hoàn thành tốt□		***76***	6	6					12	5					16	5					17	10					25	11	1	1				
- Hoàn thành□		***414***	68	28					63	20					72	29	2	1			87	29					124	48	5	2				
- Chưa hoàn thành□		***1***																			1													
V. Khen thưởng		***425***	69	32					79	52	1	1			73	31	1				82	44	1	1			122	70	1	1				
- Giấy khen cấp trường		***410***	69	32					69	44	1	1			72	30	1				82	44	1	1			118	68	1	1				
- Giấy khen cấp trên		***15***							10	8					1	1											4	2						
VI. HSDT được trợ giảng																																		
VII. HS.K.Tật		***4***													3					3							1							1
VIII. HS bỏ học kỳ II																																		
+ Hoàn cảnh GĐKK																																		
+ KK trong học tập																																		
+ Xa trường, đi lại K.khăn																																		
+ Thiên tai, dịch bệnh																																		
+ Nguyên nhân khác																																		
IX. Chương trình lớp học□	821	821	137	60					133	64	1	1			145	58	3	1		3	166	73	1	1			240	114	6	3				1
Hoàn thành□	816	816	137	60					133	64	1	1			142	58	3	1			166	73	1	1			238	114	6	3				
Chưa hoàn thành□	5	5													3					3							2							1